

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: **10** /2018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày **02** tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 465/TTr-STNMT ngày 15 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:



Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ TN&MT;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Công báo tỉnh;
- Chi cục Văn thư lưu trữ tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CTTĐT, NN(Tha).

14

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng



QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các cấp, các ngành
trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2018/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm
2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về mục đích, hình thức, phương pháp, nguyên tắc và nội dung, trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Những nội dung khác có liên quan không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định của UBND tỉnh.

3. Đối tượng áp dụng

a) UBND các cấp;

b) Cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh, huyện;

c) Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai;

d) Cơ quan Tài chính cấp tỉnh, huyện; cơ quan Thuế cấp tỉnh, huyện; cơ quan Xây dựng cấp tỉnh, huyện; cơ quan Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh, huyện; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Quỹ phát triển đất tỉnh;

đ) Các cơ quan khác có liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Điều 2. Mục đích, hình thức, phương pháp, trách nhiệm và nguyên tắc phối hợp

1. Mục đích phối hợp là để nâng cao trách nhiệm của các cơ quan có liên quan, UBND các cấp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình nhằm góp phần đẩy nhanh việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai và những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực phối hợp; đồng thời đảm bảo các thủ tục đất đai và những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực phối hợp được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ, chính xác và đúng quy định pháp luật.

2. Hình thức, phương pháp và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan:

a) Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan khác, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các hình thức phối hợp sau đây: Lấy ý kiến bằng văn bản; tổ chức họp hoặc tổ chức xác minh.

b) Khi có những vấn đề đặt ra cần phối hợp, cơ quan đề nghị phối hợp chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu



có), các cơ quan được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo thời hạn, nội dung nêu vấn đề của cơ quan chủ trì; cơ quan được đề nghị phối hợp không phản hồi đồng nghĩa với việc thống nhất hoặc không có ý kiến khác.

c) Trong quá trình phối hợp các cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực phối hợp hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao.

d) Tăng cường công tác thông tin hai chiều, trao đổi trực tiếp; trong trường hợp phải tổ chức họp lấy ý kiến thì đơn vị chủ trì ghi nhận đầy đủ các ý kiến góp ý, làm cơ sở tham mưu cấp thẩm quyền quyết định. Thủ trưởng các đơn vị được mời chịu trách nhiệm cử người đi họp có chuyên môn phụ trách phù hợp với nội dung cuộc họp, ý kiến phát biểu của người được cử đi họp được xem là ý kiến chính thức của đơn vị.

đ) Đối với các trường hợp, nội dung phức tạp, cần thời gian để xác minh lấy ý kiến, cơ quan phối hợp phải có văn bản gia hạn thời gian phản hồi cho cơ quan đề nghị phối hợp.

3. Nguyên tắc trong quá trình phối hợp giữa các cơ quan:

Khi phối hợp thực hiện các thủ tục về lĩnh vực đất đai và những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực phối hợp, các cơ quan tham gia có trách nhiệm:

- a) Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Nội dung phối hợp phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, các cấp chính quyền địa phương;
- c) Chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả phối hợp và đảm bảo yêu cầu về thời hạn phối hợp quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Thời gian phối hợp giải quyết trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thời gian thực hiện các công việc nêu tại Quy chế này là số ngày làm việc được tính kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo hồ sơ hợp lệ (nếu có) và không bao gồm: thời gian hướng dẫn bổ sung hồ sơ; thời gian giải phóng mặt bằng; thời gian xác định giá đất cụ thể; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là thủ tục về đất đai); thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất, sở hữu nhà ở, công trình có vi phạm pháp luật; thời gian trung cầu giám định; thời gian thực hiện trích lục, trích đo địa chính thửa đất, thời gian khảo sát, kiểm tra kết quả đo đạc địa chính, đo vẽ hiện trạng nhà ở và công trình; thời gian niêm yết công khai tại UBND cấp xã và thời gian đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực phối hợp.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 4. Tham mưu việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh; hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ

1. Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì trong việc soạn thảo đối với các văn bản có nội dung quy định về quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng bảng giá đất.

b) Sở Tài chính chủ trì trong việc soạn thảo đối với các văn bản quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt nước, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất, tiền cho thuê đất.

c) UBND cấp huyện, các sở, ban, ngành có trách nhiệm tham gia, góp ý theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo.

d) Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định theo quy định.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về quản lý, sử dụng đất đai do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn, Thông tư liên tịch của nhiều Bộ ngành.

b) Sở Tài chính hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về quản lý, sử dụng đất đai do Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn.

c) Cục Thuế tỉnh hướng dẫn chuyên môn liên quan đến các nội dung về chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

d) Sở Xây dựng hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về chính sách hỗ trợ, mua, thuê nhà ở gắn liền với đất ở do Bộ xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến các nội dung về chính sách đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn.

Điều 5. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, thực hiện theo quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

3. Trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện:

a) Các sở, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất trong kế hoạch hàng năm của cấp huyện theo từng đơn vị hành chính

cấp xã và gửi về UBND cấp huyện trước ngày 30 tháng 10 năm trước để UBND cấp huyện tổng hợp khi xây dựng kế hoạch.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất. Các phòng, ban cấp huyện và UBND cấp xã gửi văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất về Phòng Tài nguyên và Môi trường

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh và các dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã phân bổ cho cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã; tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 6. Phối hợp trong việc xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực đất sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất; xác định các khu vực phải chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch hàng năm của cấp huyện, bao gồm:

1. Các Sở, ngành xác định nhu cầu sử dụng đất và đề xuất các dự án sử dụng đất của ngành, lĩnh vực mình quản lý và thuộc chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh theo từng đơn vị hành chính cấp huyện; trong đó xác định rõ:

a) Quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích, hiện trạng sử dụng đất khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và khoản 1, 2 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch.

b) Quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích, hiện trạng sử dụng đất khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại.

c) Vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong năm kế hoạch đã có chủ trương bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích, hiện trạng sử dụng đất khu vực cần phải chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các Điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch trên từng đơn vị hành chính cấp huyện.

2. UBND cấp huyện xác định nhu cầu sử dụng đất của địa phương trong năm kế hoạch và có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 7. Thu hồi đất khi tổ chức bị giải thể hoặc phá sản

Trường hợp tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

bị giải thể, phá sản thì cơ quan ban hành quyết định giải thể, phá sản gửi quyết định giải thể, phá sản đến Sở Tài nguyên và Môi trường để lập hồ sơ thu hồi đất.

Điều 8. Về công tác bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông.

2. Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu cho UBND tỉnh: Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất; sửa đổi, bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, phù hợp với ngành và lĩnh vực; chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng phương án giá đất cụ thể bồi thường để gửi thẩm định theo quy định.

Điều 9. Công tác quản lý tài chính về đất đai

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn về công tác điều tra giá đất, áp dụng bảng giá đất của tỉnh, xác định giá đất cụ thể và hướng dẫn hoặc tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác điều tra và định giá đất theo đề nghị của các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất gắn với tài sản thuộc sở hữu nhà nước của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất; xác định các khoản được trừ vào số tiền sử dụng đất, thuê đất, thuê mặt nước phải nộp.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện nhiệm vụ định giá đất trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Chỉ đạo UBND cấp xã, phòng, ban có liên quan thực hiện công tác điều tra thu thập thông tin chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn theo giá thị trường (đối với thông tin chuyển nhượng đã có hồ sơ theo quy định Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo) hàng tháng và gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường cuối mỗi quý để thống kê giá đất thị trường làm cơ sở để xác định giá đất cụ thể; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai về giá đất của tỉnh.

b) Chủ động rà soát và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường các khu vực đã đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng hoặc có biến động lớn về giá đất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng phương án giá đất bổ sung hoặc điều chỉnh bảng giá đất theo quy định.

Điều 10. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

b) Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, phẩm chất và kỹ năng giao tiếp tốt làm nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra công tác cấp giấy chứng nhận theo kế hoạch; kiểm tra, thanh tra đột xuất khi có vụ việc xảy ra hoặc theo yêu cầu của công tác quản lý; xử lý các đối tượng vi phạm trong công tác cấp giấy chứng nhận theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xây dựng hình thức, nội dung về việc đề nghị cung cấp thông tin liên quan trong việc chứng nhận, xác nhận bổ sung quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất trên giấy chứng nhận nhằm thống nhất quản lý chung.

đ) Tổ chức việc thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính, lập và quản lý hồ sơ địa chính.

e) Chỉ đạo thực hiện cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính thường xuyên.

g) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và UBND cấp xã.

h) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trong việc phối hợp xác định các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và xây dựng kế hoạch đăng ký, cấp giấy chứng nhận, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm UBND cấp huyện:

a) Phân công nhiệm vụ, quy định trách nhiệm cho các phòng, ban và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện Quy chế này; tổ chức kiểm tra và kịp thời giải quyết vướng mắc trong công tác cấp giấy chứng nhận.

b) Rà soát toàn bộ và lập kế hoạch triển khai công tác cấp giấy chứng nhận lần đầu trên địa bàn cấp huyện.

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trong việc phối hợp xác định các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai và xây dựng kế hoạch đăng ký, cấp giấy chứng nhận, thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

d) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường bảo đảm kết nối sử dụng hệ thống phần mềm hiện có giữa Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với địa phương đã có phần mềm kết nối). Cung cấp cơ sở dữ liệu đất đai theo đề nghị của Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

3. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh:

a) Hướng dẫn, thông báo mức nộp nghĩa vụ tài chính về lệ phí cấp giấy chứng nhận, lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giao đất, thuê thu

nhập từ việc chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi cấp giấy chứng nhận hoặc khi xác nhận biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất.

b) Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện nghĩa vụ tài chính khi cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

4. Trách nhiệm của Sở Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế hạ tầng cấp huyện:

Sở Xây dựng có trách nhiệm khi nhận được phiếu lấy ý kiến của Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 22 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, Sở Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế hạ tầng cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định.

5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; Phòng Kinh tế thị xã khi nhận được phiếu lấy ý kiến của Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không có giấy tờ hoặc hiện trạng tài sản có thay đổi so với giấy tờ quy định tại các Điều 33, 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định.

6. Trách nhiệm của UBND cấp xã:

a) Phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Cử cán bộ tham gia kiểm tra thực địa theo giấy mời của Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

c) Xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch.

d) Thực hiện công tác chỉnh lý biến động đất đai theo quy định.

đ) Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai hoặc giấy chứng nhận đã cấp thì kiểm tra, xác nhận về sự thay đổi hoặc không thay đổi ranh giới thửa đất đang sử dụng so với thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, xác nhận tình trạng tranh chấp.

e) Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất thì xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản; đối với nhà ở, công trình xây dựng thì xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Điều 11. Thông kê, kiểm kê đất đai

1. UBND cấp huyện tổ chức việc thông kê, kiểm kê theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, cung cấp các thông tin biến động diện tích đất đai, người quản lý, người sử dụng đất trong kỳ thông kê, kiểm kê đất đai cho Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc đơn vị tư vấn.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, thẩm định kết quả thông kê, kiểm kê của đơn vị tư vấn, kiểm tra kết quả thông kê, kiểm kê cấp xã.

Điều 12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thanh tra và tiến hành thanh tra trong lĩnh vực đất đai theo quy định, xử lý hoặc tham mưu xử lý các sai phạm trong lĩnh vực đất đai theo thẩm quyền.

UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai của người sử dụng đất đai trên địa bàn. Theo dõi, giám sát việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn quản lý.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

UBND cấp huyện có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo lần đầu cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có quyết định giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh lần 2; UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm xác định chính xác vị trí đất tranh chấp, khiếu nại, tố cáo theo đơn; cùng tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai phát sinh trên địa bàn.

Điều 14. Thực hiện công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ các mục đích chuyên dụng của địa phương; quản lý công trình xây dựng đo đạc, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo phân cấp; quản lý hoạt động xuất bản bản đồ tại địa phương.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ:

a) Theo dõi, giám sát những hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn theo đúng quy định.

b) Kiểm tra, xem xét hiện trường và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại, dấu mốc đo đạc phải di dời hoặc hủy bỏ trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của UBND cấp xã.

c) Thống kê, cập nhật hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn huyện và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

d) Rà soát, lập kế hoạch, thực hiện đo đạc thành lập bản đồ địa chính phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các khu vực chưa có cơ sở dữ liệu đo đạc về đất đai và đo đạc chỉnh lý đối với các tờ bản đồ địa chính sai lệch, rách nát không sử dụng được theo quy định trên địa bàn huyện.

3. UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thi công trong việc xác định ranh giới thửa đất, lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính).

a) Theo dõi các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn mình quản lý, nếu phát hiện đơn vị thi công đo đạc đang thi công trên địa bàn mà không có thông báo thì tiến hành lập biên bản và báo cáo cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để xử lý theo quy định.

b) Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thi công đo đạc khi có yêu cầu và cử cán bộ công chức địa chính cấp xã, cán bộ thôn, xóm, tổ dân phố để được hỗ trợ, hướng dẫn việc xác định hiện trạng, ranh giới sử dụng đất.

c) Có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị thi công đo đạc trong việc triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, ký xác nhận hiện trạng sử dụng đất, xác nhận tình trạng pháp lý sử dụng đất trên địa bàn mình quản lý.

d) Quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm hại các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã.

đ) Cập nhật các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã, bổ sung phần ghi chú của sổ địa chính về dấu mốc đo đạc trên thửa đất.

e) Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc để người dân tại địa phương có trách nhiệm bảo vệ dấu mốc đo đạc không bị xê dịch, phá hủy hoặc làm hư hỏng.

g) Thường xuyên kiểm tra, khi phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại thì trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc.

h) Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời gian không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để giải quyết.

i) Thống kê, cập nhật hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã và báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan căn cứ vào các nhiệm vụ được phân công trong Quy chế này, chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối theo dõi việc triển khai thực hiện Quy chế này và định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng